TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2026/DS-ST
Ngày 26 - 3 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bự

Ông Nguyễn Hoàng Ảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2026/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP V. Địa chỉ: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền:

+ Anh Nguyễn Hoàng H – Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ: Tầng C, số A, N, phường L, thành phố C (vắng mặt).

+ Anh Lê Văn M – Chuyên viên xử lý nợ; Địa chỉ: Tầng C, số A, N, phường L, thành phố C (vắng mặt).

- *Bị đơn*: Bà Đặng Kiều D1, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/01/2023 Ngân hàng TMCP V (V1) với bà Đặng Kiều D1 ký kết hợp

đồng tín dụng để vay với số tiền vốn 100.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là 25%/ năm. Trong quá trình vay đã thanh toán số tiền vốn 5.881.101 đồng và số tiền lãi 6.063.895 đồng, tính đến ngày 26/3/2026 bà D1 còn thiếu Ngân hàng số tiền vốn là 94.118.899 đồng và số tiền lãi là 107.286.133 đồng.

Ngày 23/12/2022 Ngân hàng TMCP V (V1) với bà Đặng Kiều D1 ký kết hợp đồng mở thẻ tín dụng để vay với số tiền vốn 100.000.000 đồng, mục đích vay là tiêu dùng cá nhân, lãi suất theo hợp đã ký kết là 39.48%/ năm. Trong quá trình vay bà D1 không thanh toán số tiền vốn và lãi cho Ngân hàng, tính đến ngày 26/3/2026 bà D1 còn thiếu Ngân hàng số tiền vốn là 99.952.737 đồng và số tiền lãi là 172.643.365 đồng.

Ngân hàng V1 yêu cầu bà Đặng Kiều D1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc 194.071.636 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 26/3/2026 là 279.929.498 đồng và yêu cầu bà D1 phải thanh toán lãi phát sinh sau ngày 26/3/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng V1 khởi kiện yêu cầu bà Đặng Kiều D1 trả tiền vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng là vụ kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Đại diện uỷ quyền của Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Đặng Kiều D1 đã được Toà án niêm yết các thủ tục tố tụng đúng quy định nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1: Bà D1 có ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng V1 để vay là thực tế có xảy ra được thể hiện tại hợp đồng tín dụng đã ký kết. Quá trình vay, bà D1 không thực hiện được nghĩa vụ trả vốn và lãi cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử thấy rằng, hợp đồng giữa các bên ký kết là hợp pháp về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật". Do vậy việc thỏa thuận giữa Ngân hàng V1 và bà D1 về mức lãi suất trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Tính đến ngày xét xử ngày 26/3/2026 thì bà D1 còn nợ Ngân hàng V1 số tiền vốn gốc 194.071.636 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 26/3/2026 là 279.929.498 đồng, tổng cộng là 474.001.134 đồng. Như vậy, việc bà D1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã làm thiệt hại đến

quyền lợi của Ngân hàng, vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 là có căn cứ nên được chấp nhận.

Việc bà D1 không có ý kiến gì đối với yêu cầu của Ngân hàng V1, không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V1 thuộc trường hợp tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Kiều D1 phải chịu quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147 và khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1).

1. Buộc bà Đặng Kiều D1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V1 tổng số tiền 474.001.134 đồng (trong đó vốn gốc 194.071.636 đồng và số tiền lãi 279.929.498 đồng).

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Ngân hàng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng TMCP V (V1) không phải chịu, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền 9.777.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000722 ngày 19 tháng 01 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau.

Bà Đặng Kiều D1 phải chịu 21.850.000 đồng.

4. Kể từ ngày Ngân hàng TMCP V (V1) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đặng Kiều D1 chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông Đ còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Ngọc Yến